TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/DS-PT
Ngày: 11-01-2022
V/v tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thái

Các Thẩm phán: Ông Lương Thanh Chín

Bà Vũ Thị Thanh Hòa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Phương là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Phương Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 70/2021/TLPT-DS ngày 13 tháng 7 năm 2021, về việc: *"Tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền"*, do Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2021/DS-ST ngày 28 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 141/2021/QĐ-PT ngày 29 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 51/2021/QĐ-PT ngày 17 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1962

Địa chỉ cư trú: Thôn H, xã ĐP, huyện TL, tỉnh Bình Thuận.

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị Minh T, sinh năm 1973

Ông Phạm Trọng T, sinh năm 1971

Cùng địa chỉ cư trú: Thôn H, xã ĐP, huyện TL, tỉnh Bình Thuận.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Trần Thị Minh T: Bà Nguyễn Thị Tuyết T - Luật sư Văn phòng Luật sư PN thuộc Đoàn Luật sư tỉnh BT.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị Kim P, sinh năm 1972

Địa chỉ cư trú: Thôn H, xã ĐP, huyện TL, tỉnh Bình Thuận.

2. Bà Trần Thị Minh L, sinh năm 1968

Địa chỉ cư trú: Thôn S, xã NĐ, huyện TL, tỉnh Bình Thuận.

3. Ông Nguyễn Đức M, sinh năm 1961

Địa chỉ cư trú: Thôn H, xã ĐP, huyện TL, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1962; Địa chỉ cư trú: Thôn H, xã ĐP, huyện TL, tỉnh Bình Thuận; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 12/4/2021).

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Trần Thị Minh T.

Những người tham gia tố tụng có mặt bà Nguyễn Thị S, bà Trần Thị Minh T và Luật sư Nguyễn Thị Tuyết T; còn lại vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị S trình bày:

Bà Nguyễn Thị S với vợ chồng bà Trần Thị Minh T và ông Phạm Trọng T không có họ hàng thân thích, chỉ quen biết do là hàng xóm láng giềng với nhau. Trong khoảng thời gian từ năm 2015 đến năm 2017 (âm lịch), bà S nhiều lần cho bà T vay tiền, hai bên tự thỏa thuận lãi suất, không xác định thời hạn trả nợ, cụ thể như sau:

- Ngày 24/7/2015 âm lịch, bà S cho bà T vay số tiền 50.000.000 đồng; Bà T có viết và ký, ghi họ tên Trần Thị Minh T tại "Giấy mượn tiền" nội dung "*Ngày 24 – AL – 2015 T có nhận cho L là 50.000.000 năm triệu chuộc triệu*".

- Ngày 01/11/2015 âm lịch, bà S cho bà T vay số tiền 10.000.000 đồng; Bà T có viết và ký, ghi họ tên Trần Thị Minh T tại "Giấy mượn tiền" nội dung "*Ngày 1 tháng 11 2015 AL T có mượn chị S là 10.000.000. Viết bằng chữ là mười triệu chẵn*".

- Ngày 10/10/2017, bà S cho bà T vay số tiền 500.000.000 đồng; Bà T có viết và ký, ghi họ tên Trần Thị Minh T tại "Giấy mượn tiền" nội dung "*Ngày 01/7/2017 T có mượn chị S là 500.000.000 là năm trăm triệu*".

Trước đây, bà T có vay của bà Nguyễn Thị Kim P số tiền 50.000.000 đồng (*năm mươi triệu đồng*), nhưng chưa trả còn bà P cũng có vay của bà S số tiền 50.000.000 đồng nên bà S với bà T, bà P cùng nhau thống nhất cấn trừ số tiền bà T nợ bà P sang cho bà S, theo đó bà T sẽ chịu trách nhiệm trả số tiền 50.000.000 đồng (*năm mươi triệu đồng*) cho bà S.

Ngày 09/5/2017, bà T có viết "Giấy vay tiền" với nội dung thể hiện có nợ bà Phượng số tiền 50.000.000 đồng lãi suất 01%/ngày/tổng tiền vay, sau đó cấn trừ qua cho bà S. Bà S có ký và viết họ tên vào "Giấy vay tiền".

Ngoài ra, cũng trong khoảng thời gian này, bà S có cho bà T vay số tiền 20.000.000 đồng. Tổng cộng bà S cho bà T vay số tiền 630.000.000 đồng. Bà S

nhiều lần yêu cầu bà T trả tiền nợ vay nhưng bà T không trả nên năm 2018, bà S khởi kiện yêu cầu bà T phải trả số tiền nợ vay. Tại thời điểm khởi kiện, do tính toán nhầm lẫn nên bà S chỉ khởi kiện yêu cầu bà T phải trả số tiền 620.000.000 đồng.

Ngày 10/7/2018, tại Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, bà T có viết "Giấy nhận nợ" nội dung "*T có mượng chị S là 500.000.000 năm trăm triệu + cộng thêm tiền lãi 50.000.000 tổng cộng là 550.000.000 là năm trăm rưỡi triệu*".

Ngày 12/10/2018, Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh mở phiên hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án. Tại phiên hòa giải, bà T xác nhận có nợ bà S số tiền 620.000.000 đồng, đồng thời cam kết mỗi tháng trả cho bà S số tiền 10 triệu đồng, do đó bà S làm đơn xin rút yêu cầu khởi kiện. Tuy nhiên, sau đó, bà T không thực hiện như đã thỏa thuận, bà T chỉ trả cho bà S được 02 tháng tương đương với số tiền 20.000.000 đồng. Do đó, bà T còn nợ lại bà S 600.000.000 đồng. Bà S đã nhiều lần yêu cầu bà T trả tiền nhưng bà T không trả nên bà S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên buộc vợ chồng bà Trần Thị Minh T và ông Phạm Trọng T phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà S 600.000.000 đồng. Ngoài ra, bà S còn yêu cầu bà T, ông T phải trả cho bà S toàn bộ số tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định, thời điểm trả lãi tính từ ngày khởi kiện 27/5/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Trần Thị Minh T trình bày: Trước đây, do có mối quan hệ thân thiết với nguyên đơn bà Nguyễn Thị S nên khi bà S gặp khó khăn thì bà T có viết giấy nhận nợ giùm cho bà S chứ thực ra không có việc vay mượn tiền của bà S. Đối với yêu cầu tính lãi, do không có việc vay mượn tiền của nguyên đơn nên bị đơn không đồng ý trả tiền lãi cho nguyên đơn; Đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn ông Phạm Trọng T trình bày tại Biên bản ghi lời khai ngày 27/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh: Ông T là chồng bà T, việc vay mượn tiền giữa bà T và bà S như thế nào thì ông T không tham gia, không biết và không liên quan đến số tiền bà T còn thiếu vợ chồng bà S. Do đó, ông T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà S. Ông T đề nghị Tòa án không triệu tập ông T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Kim P trình bày:

Trong khoảng thời gian từ năm 2014 đến năm 2016, bà P và bà S có vay tiền qua lại với nhau, tuy nhiên bà P đã thanh toán đầy đủ cho bà S, hiện nay không còn nợ nần gì đối với bà S. Bà P không biết lý do tại sao bà T lại ghi tên bà P vào "Giấy vay tiền" của bà T tại Bút lục số 50 có trong hồ sơ vụ án với số tiền 50.000.000 đồng. Đối với việc cấn trừ nợ số tiền 50.000.000 đồng giữa bà S với bà T như thế nào thì bà P không biết. Bà P khẳng định không liên quan đến

tranh chấp vay tiền giữa bà S và bà T, đồng thời đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

2. Bà Trần Thị Minh L trình bày:

Bà L là chị ruột của bà Trần Thị Minh T. Bà L có quen biết bà S tên thường gọi là bà S Đường, bà L không có mâu thuẫn gì với bà S cũng như với bà T. Bà L khẳng định không làm ăn chung, không vay tiền của bà S. Bà L với bà T tuy là chị em ruột nhưng cũng ít khi gặp nhau, không làm ăn chung với nhau. Bà L khẳng định không liên quan đến tranh chấp vay tiền giữa bà S và bà T, đồng thời đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

Ngày 26/5/2020, nguyên đơn bà Nguyễn Thị S do ông Nguyễn Phương N làm đại diện theo ủy quyền có "Đơn đề nghị áp dụng các biện pháp ngăn chặn tạm thời" về việc: Bà S cho rằng vợ chồng bà T, ông T cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ, tẩu tán tài sản nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ cũng như việc thi hành án, cố tình dây dưa kéo dài vụ án gây khó khăn cho Tòa án trong việc giải quyết vụ án. Ngày 27/5/2020, bà S phát hiện vợ chồng bà T, ông T chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị Mỹ Liên nhằm tẩu tán tài sản, trốn tránh nghĩa vụ thi hành án nên bà làm đơn yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời để đảm bảo cho việc thi hành án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2021/DS-ST ngày 28 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh đã quyết định:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2, khoản 4 Điều 91; khoản 2 Điều 92; khoản 1 Điều 147; khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 2, khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 2 Điều 305; Điều 471; khoản 5 Điều 474 và Điều 476 Bộ luật dân sự 2005;

- Các Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, khoản 2 Điều 469 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định về mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị S; Buộc bà Trần Thị Minh T và ông Phạm Trọng T phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị S và ông Nguyễn Đức Minh tổng cộng số tiền 703.500.000 đồng (*Bảy trăm lẻ ba triệu, năm trăm nghìn đồng*); Trong đó 600.000.000 đồng là tiền nợ vay gốc và 103.500.000 đồng là tiền lãi.

2. Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời: Tiếp tục áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2020/QĐ-BPKCTT ngày 27/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận để đảm bảo cho việc thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 31/5/2021, bị đơn bà Trần Thị Minh T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị đơn bà Trần Thị Minh T giữ nguyên kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì bà không có vay tiền của bà S.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Trần Thị Minh T có ý kiến: Theo các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ chưa đủ cơ sở xác định khoản vay này là nợ chung của vợ chồng bà T, ông T. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm, tuyên buộc trách nhiệm trả nợ là của cá nhân bà T đối với bà S.

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị S không đồng ý kháng cáo của bị đơn, đề nghị Hội đồng xét xử y án sơ thẩm.

- Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

1. Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án.

2. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự, tuyên sửa Bản án sơ thẩm số 33/2021/DS-ST ngày

28/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh về quan hệ tranh chấp, thời hạn tính lãi suất chậm thi hành án và sửa theo hướng buộc cá nhân bà Trần Thị Minh T trả nợ gốc và lãi cho vợ chồng nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa hôm nay, vắng mặt bị đơn ông Phạm Trọng T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim P và bà Trần Thị Minh L đề nghị xét xử vắng mặt, ông Nguyễn Đức M vắng mặt nhưng có người đại diện hợp pháp là bà Nguyễn Thị S, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người tham gia tố tụng này là đúng theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, như ý kiến đề nghị của những người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa và của Kiểm sát viên là phù hợp.

[2] Về xác định quan hệ tranh chấp:

[2.1] Theo nguyên đơn bà Nguyễn Thị S trình bày:

Lý do bà Nguyễn Thị S khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà Trần Thị Minh T trả khoản tiền 600.000.000đồng là do trước đây bà S cho vợ chồng bà T vay nhiều lần với tổng số nợ là 630.000.000đồng, nhưng do tính toán nhầm nên bà khởi kiện yêu cầu bà T trả 620.000.000đồng. Tại buổi hòa giải ngày 12/10/2018, bà S và bà T thống nhất thỏa thuận bà T sẽ trả cho bà S mỗi tháng 10.000.000đồng cho đến khi trả hết nợ và bà S rút đơn khởi kiện, nên Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh đã ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 105/2018/QĐST-DS ngày 15/10/2018.

Tuy nhiên, sau khi Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh đình chỉ giải quyết vụ án, bà T chỉ trả cho bà S 2 tháng được 20.000.000đồng, sau đó không trả nữa nên bà S khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà T trả 600.000.000đồng.

[2.2] Từ nội dung vụ án và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị S nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản là không đúng quy định, vì việc vay tài sản đã được hai bên chốt nợ và thỏa thuận lại nghĩa vụ trả tiền. Vì vậy, cần xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 280 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị Minh T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đủ để khẳng định vợ chồng bà Trần Thị Minh T, ông Phạm Trọng T còn nợ vợ chồng bà Nguyễn Thị S 600.000.000đồng, cụ thể:

Tại biên bản hòa giải ngày 12/10/2018 do Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh tiến hành khi giải quyết vụ án trước đây (Bút lục 43), bà Trần Thị Minh T thừa nhận còn nợ bà Nguyễn Thị S 620.000.000đồng. Lời thừa nhận này của bà

T phù hợp với lời khai của bà T trong quá trình giải quyết vụ án này, thể hiện tại các bút lục:

- Bút lục 30: Biên bản lấy lời khai ngày 19/6/2019, bà T trình bày: "*Tôi thừa nhận tôi có vay của bà S tổng cộng 620.000.000 đồng nhưng từ khi hòa giải tại Tòa án vào tháng 10/2018 tôi đã trả cho bà S được 20.000.000 đồng. Do đó hiện nay tôi chỉ còn nợ bà S 600.000.000 đồng*".

- Bút lục 34: Biên bản về việc không tiến hành hòa giải ngày 11/7/2019, bà T trình bày: "*Tôi công nhận còn thiếu nợ bà S theo yêu cầu khởi kiện của bà S. Tuy nhiên tôi muốn hòa giải với bà S để có phương án về bán đất lấy tiền trả trước cho bà S một phần, còn lại để tiếp tục tính toán phương án trả cho bà S*".

- Bút lục 38: Tại Biên bản về việc không tiến hành hòa giải ngày 12/9/2019, bà T trình bày: "*Tôi xin thời gian để thỏa thuận bán đất lấy tiền trả cho bà S. Trong thời hạn 2 tháng kể từ ngày hòa giải hôm nay nếu bán được đất tôi sẽ giải quyết với bà S, còn không được thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật*".

[3.2] Bà T kháng cáo cho rằng không có vay tiền như nguyên đơn bà Nguyễn Thị S trình bày, do chỗ quen biết, thân thiết với nguyên đơn nên đã ký nhận vay tiền giùm cho nguyên đơn chứ thực chất không nhận tiền của nguyên đơn; lúc thì khai rằng đứng ra nhận nợ giùm một số người khác, nhưng lại không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh.

[4] Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Trần Thị Minh T đề nghị sửa án sơ thẩm theo hướng buộc trách nhiệm cá nhân của bà Trần Thị Minh T trả nợ cho vợ chồng bà Nguyễn Thị S, vì việc giao dịch vay tiền là giữa bà T và bà S, ông T không biết. Vấn đề này, Hội đồng xét xử nhận thấy: Mặc dù ông T không ký vào giấy vay tiền, nhưng việc vay tiền giữa bà T và bà S trong thời kỳ hôn nhân, bà T vay tiền nhằm đầu tư phát triển kinh tế gia đình, nên bà S yêu cầu vợ chồng bà T, ông T liên đới trả nợ là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Về khoản tiền lãi: Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu tính lãi của nguyên đơn từ ngày tiếp theo liền kề của ngày nguyên đơn khởi kiện (ngày 28/5/2019) đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28/4/2021) là 23 tháng, với mức lãi suất 9%/năm là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[6] Về phần tuyên lãi suất chậm thi hành án: Như nhận định tại mục [2], đây là quan hệ tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền, hai bên không thỏa thuận việc trả lãi nên lãi suất chậm thi hành án phải tuyên theo điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên theo điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao là không đúng.

[7] Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị Minh T, sửa bản án sơ thẩm, cụ thể: xác định lại quan hệ tranh chấp trong vụ án, áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 và tuyên phần lãi suất chậm thi hành án theo điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, như ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp; không chấp nhận quan điểm của Luật sư và của Kiểm sát viên về việc đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng xác định trách nhiệm cá nhân của bà Trần Thị Minh T trong việc trả nợ cho vợ chồng nguyên đơn.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên bị đơn bà Trần Thị Minh T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 2 Điều 148, khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị Minh T; Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2021/DS-ST ngày 28 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh.

Áp dụng: - Điều 280, Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Điều 27 và Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị S: Buộc vợ chồng bà Trần Thị Minh T và ông Phạm Trọng T liên đới trả cho vợ chồng bà Nguyễn Thị S và ông Nguyễn Đức M tổng cộng 703.500.000đồng (*Bảy trăm lẻ ba triệu, năm trăm nghìn đồng*); Trong đó gồm 600.000.000đồng tiền nợ gốc và 103.500.000đồng tiền lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời: Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2020/QĐ-BPKCTT ngày 27/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận để đảm bảo cho việc thi hành án.

3. Về án phí:

- Buộc bà Trần Thị Minh T và ông Phạm Trọng T phải chịu 32.140.000đồng *(Ba mươi hai triệu, một trăm bốn mươi nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Trần Thị Minh T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả lại cho bà Trần Thị Minh T 300.000đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0007367 ngày 09/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tánh Linh.

- Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị S 7.200.000đồng *(Bảy triệu, hai trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0013382 ngày 04/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tánh Linh.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi thành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh B.Thuận;
- TAND huyện T.Linh;
- VKSND huyện T.Linh;
- Chi cục THADS huyện T.Linh;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, TDS;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hồng Thái